

THỬ NGHIỆM BIỆN PHÁP TÁC ĐỘNG NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO SINH VIÊN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

○ TS. HUỖNH VĂN SƠN*

Sinh viên (SV) thuộc tầng lớp trí thức của xã hội; là lớp người ưu tú của thế hệ trẻ, rất nhạy cảm với các xu hướng, trào lưu mới trong khoa học, kỹ thuật, văn hóa... SV TP Hồ Chí Minh hiện nay là một lực lượng «tiềm năng», một nguồn bổ sung quan trọng của đội ngũ trí thức thành phố. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy, SV còn nhiều hạn chế trong các kỹ năng sống (KNS) đặc biệt là KN giải quyết vấn đề (GQVĐ) mà nguyên nhân chính là do họ chưa nhận thức đúng đắn về vai trò của KNS đối với sự thành công của mỗi người, chưa chú ý rèn luyện về KNS đặc biệt là KN GQVĐ - mặc dù đây là KN rất quan trọng để họ có thể vững tin bước vào cuộc sống và thành công trong nghề nghiệp. Vì vậy, nâng cao KN GQVĐ cho SV là một yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

1. Thử nghiệm (TN) để tài được tiến hành nhằm đánh giá hiệu quả thực tế của các biện pháp giáo dục nhằm nâng cao KNS - đặc biệt là KN GQVĐ - của SV tại TP Hồ Chí Minh. Khách thể TN là 25 SV đến từ nhiều trường ĐH trên địa bàn thành phố tham gia được chọn lựa dựa trên lớp học «Bạn trẻ và KNS» do Nhà văn hóa SV phối hợp với khoa Tâm lý học - Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh tổ chức miễn phí dành cho SV đăng ký tự do (có xét tuyển hồ sơ để chọn lọc những SV thực sự quan tâm). Đây cũng là lớp học thử nghiệm làm tiền đề cho các lớp học sau này của Nhà văn hóa SV hoặc thực hiện những chương trình giáo dục KNS dành cho các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

TN được tổ chức thành 3 giai đoạn:

1) *Khảo sát trước TN và chuẩn bị tác động* (10/09/2010-20/09/2010): - Sử dụng bảng hỏi để khảo sát mức độ KNS ban đầu của SV; - Trao đổi với các giảng viên (GV) trong khoa huấn luyện về thực trạng KNS và KN GQVĐ của SV và thống nhất mục đích, nhiệm vụ TN và chuẩn bị tiến hành TN.

2) *Tiến hành TN* (20/9/-15/12/2010): - Tổng kết các hình thức tác động định hướng nghiên cứu có hệ thống về KNS; - Tổ chức huấn luyện về KNS; giao bài tập sau buổi huấn luyện về KNS và KN GQVĐ; - Yêu cầu lớp học - khoá học thực hiện các bài tập KNS và thực hành KN GQVĐ để chuẩn bị cho bài tập cuối khoá.

3) *Tiến hành khảo sát sau TN* (15/12/2010-29/12/2010): Phân tích, đánh giá thực trạng KNS và KN GQVĐ của SV sau khi tham gia khoá học và tự nghiên cứu một cách tích cực, chủ động, có hệ thống; so sánh mức độ KNS đặc biệt là KN GQVĐ của nhóm TN trước và sau TN để đánh giá hiệu quả của TN,... Từ đó, đưa ra kết luận và khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học đã đề ra.

2. Các biện pháp TN

1) *Định hướng nghiên cứu có hệ thống về KNS*

- *Mục đích:* Cung cấp cho SV những kiến thức tương đối hệ thống về KNS, về vai trò của KNS trong sự thành công của mỗi người nhằm kích thích các em tích cực và chủ động tìm hiểu về KNS cũng như đầu tư cho việc tìm hiểu về KNS.

- *Nội dung và yêu cầu:* - SV tiếp cận với thông tin quảng bá thông qua kế hoạch tổ chức huấn luyện KNS, qua tờ rơi và các thông tin trên báo *Người lao động*; - SV viết một bài với chủ đề «*Tầm quan trọng của KNS ngày nay với sự thành công của bạn*» và gửi trong hồ sơ tuyển chọn SV tham dự khoá học miễn phí tại NVH SV TP HCM; - Nghe chuyên đề và tiến hành trao đổi, thảo luận nhóm - chia sẻ quan niệm, tổ chức trò chơi nhận thức «*KNS - hành trang vào đời*», «*KNS - chìa khoá thành công*»; - SV quan sát các đoạn video clip và các thông điệp nên «*show card*» để bình luận và đánh giá; - Viết bài thu hoạch sau khi nghe chuyên đề và chuyển về cho ban tổ chức.

* Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

2) Tổ chức khoá huấn luyện về KNS cho SV với tên gọi «Bạn trẻ và KNS»

- **Mục đích:** - Hình thành những kiến thức cơ bản về KNS để dẫn tạo dựng những KNS thông qua quá trình SV trải nghiệm và tự huấn luyện; - Tác động đến nhận thức của SV về vai trò của KNS, quy trình và biện pháp hình thành từng KNS để SV nhận thức và tự tự rèn luyện; - Kích thích thái độ chủ động tìm hiểu KNS - tích cực rèn luyện; - Tiếp cận các tình huống, các hoạt động có liên quan để giúp SV phát hiện ra điểm «mấu chốt», các thao tác, công cụ của từng KNS - đặc biệt là KN GQVĐ - để tự thay đổi và rèn luyện KN tương ứng cho mình

- **Nội dung và yêu cầu:** - SV tham gia khoá học huấn luyện liên tục với 20 KNS do nhóm giảng viên chuyên ngành *Tâm lí học - Giáo dục học* huấn luyện (chú trọng đặc biệt KN GQVĐ); - Các buổi huấn luyện mang tính «mở» được tổ chức dưới hình thức các hoạt động trải nghiệm liên tục, như: nói về bản thân, quan sát videoclip - xem và ngẫm, TN tâm lí, trò chơi, trắc nghiệm ngắn, hoạt động nhóm, thảo luận cặp đôi - thảo luận nhóm nhỏ, thể hiện bản thân...; - SV chia sẻ thông tin, viết những cảm nhận của mình và rút ra những điều yêu cầu rèn luyện về KNS; - Cá nhân hoặc nhóm SV (3 thành viên) làm một bài tập tốt nghiệp cuối khoá học (như một bài tập lớn, dưới dạng quyển in, đĩa CD hoặc VCD,...) nhằm giải quyết một vấn đề (sự kiện) nào đó mà họ cho rằng khó khăn mà mình gặp phải trong cuộc sống, công việc.

3. Để khẳng định hiệu quả của những biện pháp TN với những nhận định đa chiều mang tính khái quát, chúng tôi tập trung so sánh số liệu về sự lựa chọn của nhóm trước thử nghiệm và sau bốn tháng thử nghiệm; có sự đối chiếu nhất định với kết quả nghiên cứu thực trạng (trên toàn mẫu dân số). Cũng để có cái nhìn chi tiết về sự thay đổi của nghiệm thể thông qua KN GQVĐ, chúng tôi tiến hành *đánh giá thực trạng* của KN này giữa trước và sau TN, dựa trên các tiêu chí: khái niệm GQVĐ; sự hiểu biết về: đặc điểm KN, cách thực hiện các bước của KN, yêu cầu cụ thể và các hành động tương ứng trong từng giai đoạn GQVĐ; những khó khăn gặp phải khi GQVĐ và thể hiện cụ thể thông qua hành động xử lí hay giải quyết một số tình huống cụ thể (điểm số được quy đổi như sau: 1 - 1,5: Kém; 1,51 - 2,5: Yếu; 2,51 - 3,5: Trung bình; 3,51 - 4,5: Khá; 4,51 - 5: Tốt) (xem bảng)

Bảng. So sánh kết quả tác động TN về KN GQVĐ giữa trước và sau TN ở nhóm TN

TT	Nội dung	Điểm trung bình		T - Test	Có sự khác biệt ý nghĩa
		Trước TN	Sau TN		
1	Khái niệm GQVĐ	2,67	4,09	0,00	+
2	Hiểu về KN GQVĐ và các vấn đề có liên quan	2,81	3,79	0,00	+
3	Thực hiện các bước GQVĐ	2,80	3,94	0,00	+
4	Yêu cầu khi GQVĐ	3,06	4,12	0,00	+
5	Hành động cụ thể trong từng giai đoạn	2,96	3,76	0,00	+
6	Khó khăn khi GQVĐ	2,87	3,69	0,001	+
7	Tình huống GQVĐ	2,76	4,03	0,00	+
Tổng		2,85	3,92	0,00	

(Mức ý nghĩa: = 0,01)

Bảng 1 cho thấy: nhìn chung KN GQVĐ của SV nhóm TN có sự phát triển khá tốt sau một thời gian tham gia TN. Biểu hiện: 1) Dựa trên điểm trung bình của KN: nếu như trước khi TN chỉ là 2,85 điểm (mức trung bình) thì sau TN là 3,92 (mức khá) - sự chênh lệch này khá đáng kể (1,07 điểm); 2) *Giá trị t* tìm được khi thực hiện kiểm nghiệm T nhằm so sánh sự khác biệt về điểm trung bình giữa trước và sau TN trong cùng nhóm là 0,00 (với mức ý nghĩa là 0,01), cho thấy đây là sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê. Như vậy, có thể khẳng định: sau TN, KN GQVĐ của SV nhóm TN có sự tăng lên đáng kể; 3) Nhiều SV đều khẳng định rằng KN GQVĐ của các em đã có sự thay đổi khi được các GV định hướng cách thức giải quyết một vấn đề cũng như những kiến thức có liên quan như: phân loại vấn đề, quy trình GQVĐ, các thao tác cần thực hiện, các yêu cầu cơ bản như: xác định vấn đề, phạm vi vấn đề, mấu chốt vấn đề...

Khi xem xét ở từng biểu hiện của KN GQVĐ của SV sau khi TN cho thấy các biểu hiện này đều có sự thay đổi theo hướng tích cực. Cụ thể: 1) Ở từng biểu hiện đều có sự tăng lên rõ rệt về điểm số trung bình, như: - *Hiểu về khái niệm GQVĐ* có điểm số chênh lệch là 1,42 (trước TN là 2,67 và sau TN là 4,09) - rất cao; - *Ứng xử một vài tình huống có vấn đề* tăng lên 1,08 điểm (trước TN là 2,85 và sau TN là 3,93); 2) Trong 7 biểu hiện được xem như tiêu chí để đánh giá KN GQVĐ thì sau TN, cả 7 tiêu chí đều có thay đổi đáng kể và sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê. Sự chênh lệch đáng kể nhất theo thứ tự: 1) *Hiểu về khái niệm GQVĐ* (1,42); 2) *Giải quyết một số tình huống có vấn đề* (1,27); 3) *Các yêu cầu khi GQVĐ* (1,06); 4) *Hiểu về khái* (Xem tiếp trang 23)

cần tìm hiểu một số giải pháp cơ bản để thực hiện tốt nội dung đường lối, CSKT nhất là những biện pháp nhằm khắc phục những mặt hạn chế yếu kém. Ví dụ như giải pháp cơ bản để phát triển nền KT nhiều thành phần ở nước ta hiện nay là: + Cần nhất quán chính sách phát triển nền KT nhiều thành phần nghĩa là trên cơ sở thừa nhận sự tồn tại khách quan của các thành phần cần tạo điều kiện cho các thành phần cùng tồn tại và phát triển; + Cần tăng cường vai trò chủ đạo của thành phần KT nhà nước...

5) Cần hướng dẫn HS liên hệ với bản thân thông qua việc học tập đường lối, CSKT. Mục tiêu cuối cùng của việc dạy học đơn vị kiến thức này chính là giúp HS nhận thức đúng đắn nhiệm vụ học tập, tu dưỡng của mình để đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp thực hiện đường lối, CSKT mà Đảng và Nhà nước đề ra, đồng thời cũng định hướng việc lựa chọn nghề nghiệp cho HS trong tương lai. Ví dụ, thông qua việc nghiên cứu chính sách phát triển nền KT nhiều thành phần có thể định hướng cho các em: Đảng và Nhà nước ta luôn khuyến khích phát triển các thành phần KT nên các em có thể tham gia vào nhiều thành phần KT không nhất thiết chỉ tập trung vào thành phần KT nhà nước như nhiều người vẫn quan niệm trước đây.

Thử nghiệm biện pháp tác động... (Tiếp theo trang 20)

niệm KN GQVĐ và các đặc điểm (0,98); 5) Các khó khăn khi GQVĐ (0,82); 6) Các hành động cụ thể trong từng giai đoạn khi GQVĐ (0,80), cho thấy ở SV KN GQVĐ có sự tiến bộ nhất định; 3) Nếu dựa trên điểm số quy đổi của từng biểu hiện thì trước khi TN, không có biểu hiện nào đạt ở mức «khá». Tuy nhiên, sau khi TN, điểm số ở từng biểu hiện đều tăng lên và đều đạt ở mức khá, thể hiện rõ nét cho sự khác biệt theo hướng «tốt hơn» về KN GQVĐ sau TN của nhóm TN; 4) Nhiều SV nhận định, sự lúng túng, «ngô nghê» khi tiếp cận và xử lý các vấn đề của mình đã được thay đổi khá lớn. Họ đều nhận thấy, những thách thức, các vấn đề gặp phải dù khó khăn đến mấy cũng đều có cách thức giải quyết.

Như vậy, kết quả TN cho thấy, nếu áp dụng các biện pháp tác động một cách phù hợp và được tổ chức một cách sinh động, thực tiễn, khoa học, hệ thống,... thì hoàn toàn có thể nâng cao mức độ KN GQVĐ nói riêng và KNS của SV nói

Trên đây là một số điểm cần chú ý nhằm nâng cao hiệu quả dạy học đường lối, CSKT cho HS THPT; hi vọng sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục công dân ở các trường THPT nước ta hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Giáo dục công dân lớp 11. NXB Giáo dục, H 2007.
2. Bộ GD-ĐT. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin. NXB Chính trị quốc gia, H 2002.
3. Nguyễn Việt Dũng (chủ biên). Phương pháp dạy học kinh tế chính trị ở đại học, cao đẳng. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.
4. Trần Thị Mai Phương. Dạy học kinh tế chính trị theo phương pháp tích cực. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.

SUMMARY

To equip high school students on knowledge of guidelines, policies for economical development of Party and State is very important, but in the actual practice teaching on this economical knowledge is still inadequate. This article provides some measures to improving the effect of teaching on guidelines, policies of economic in order to contribution of improving quality of teaching on civic education for high school students.

chung và SV trên địa bàn TP Hồ Chí Minh nói riêng. Kết quả TN cũng đã chứng minh được tính đúng đắn, sự khả thi và hiệu quả của các biện pháp TN được thực hiện trong đề tài nhằm nâng cao KN GQVĐ của SV hiện nay nhằm giúp họ vững tin bước vào cuộc sống. □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Trọng Ngọc (chủ biên) - Dương Diệu Hoa - Nguyễn Thị Mùi. Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.
2. Huỳnh Văn Sơn. Bạn trẻ và kĩ năng sống. NXB Lao động xã hội, H.2009.
3. Nguyễn Thạc (chủ biên) - Phạm Thành Nghị. Tâm lý học sư phạm đại học. NXB Đại học sư phạm, 2008.

SUMMARY

The article refers to the application of measures to improve problem-solving skills for students of Ho Chi Minh City Universities such as: The systematic research on life skills, organization of technical training of life skills for students called: "Youth and life skills." The experimental results have demonstrated the validity, feasibility and effectiveness of the experimental measures carried out in order to raise the problem-solving skills of students.